**NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG THU PHÍ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ; BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CÓ GIÁ NGẠCH VÀ KHÔNG CÓ GIÁ NGẠCH ĐỂ LÀM CỞ SỞ CHO VIỆC THU PHÍ CỦA CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Phí thi hành án là khoản tiền mà người được thi hành án phải nộp khi nhận được tiền, tài sản theo bản án, quyết định của Tòa án, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh; phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại phải nộp phí thi hành án dân sự theo quy định.

1. Bản chất của phí thi hành án dân sự

Bản chất của khoản phí thi hành án dân sự là một khoản tiền mà người được thi hành án phải nộp khi được nhận các lợi ích vật chất từ hoạt động của cơ quan thi hành án dân sự, là chỉ khi nào người được thi hành án nhận được các lợi ích tài sản, vật chất, lợi ích này phải định lượng được bằng tiền thì mới phải nộp phí. Việc thu phí, mức phí có thể được coi là một loại giá cả đặc biệt do Nhà nước quy định và thường gắn với mục tiêu chi cụ thể cho một hoạt động phục vụ cụ thể của nhà nước.

2. Đối tượng phải nộp phí thi hành án.

Đối tượng nộp phí thi hành án dân sự là người được thi hành án khi nhận được tiền, tài sản theo bản án, quyết định của Tòa án, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh; phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại phải nộp phí thi hành án dân sự (người được thi hành án bao gồm cả trường hợp mà các bên vừa có quyền, vừa có nghĩa vụ[[1]](#footnote-1) đối với tài sản thi hành án thì chỉ cần một trong các bên có yêu cầu thi hành án, thì người được cơ quan thi hành án dân sự giao tiền, tài sản thi hành án phải nộp phí thi hành án dân sự tương ứng với giá trị tiền, tài sản thực nhận).

3. Mức phí thi hành án phải nộp

- Người được thi hành án phải nộp phí thi hành án dân sự đối với số tiền, giá trị tài sản thực nhận như sau:

+ Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên hai lần mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang do Nhà nước quy định đến 5.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án dân sự là 3% số tiền, giá trị tài sản thực nhận;

+ Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 5.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án dân sự là 150.000.000 đồng cộng với 2% của số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 5.000.000.000 đồng;

+ Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 7.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án dân sự là 190.000.000 đồng cộng với 1% số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 7.000.000.000 đồng;

+ Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 10.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án dân sự là 220.000.000 đồng cộng 0,5% số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 10.000.000.000 đồng;

+ Số tiền, giá trị tài sản thực nhận trên 15.000.000.000 đồng thì mức phí thi hành án dân sự là 245.000.000 đồng cộng với 0,01% của số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 15.000.000.000 đồng.

- Trường hợp nhiều người được nhận một tài sản cụ thể hoặc nhận chung một khoản tiền theo bản án, quyết định nhưng chỉ có một hoặc một số người có yêu cầu thi hành án mà Chấp hành viên đã tổ chức giao tài sản, khoản tiền đó cho người đã yêu cầu hoặc người đại diện của người đã có yêu cầu để quản lý thì người yêu cầu hoặc người đại diện đó phải nộp phí thi hành án dân sự tính trên toàn bộ giá trị tiền, tài sản thực nhận theo mức quy định.

- Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định thi hành án nhưng chưa ra quyết định cưỡng chế thi hành án hoặc đã ra quyết định cưỡng chế thi hành án nhưng chưa thực hiện việc cưỡng chế thi hành án mà đương sự tự giao, nhận tiền, tài sản cho nhau thì người được thi hành án phải nộp 1/3 mức phí thi hành án dân sự quy định tính trên số tiền, tài sản thực nhận[[2]](#footnote-2).

- Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã thu được tiền hoặc đã thực hiện việc cưỡng chế thi hành án thì người được thi hành án phải nộp 100% mức phí thi hành án dân sự theo quy định (3%) tính trên số tiền, tài sản thực nhận.

4. Trường hợp không phải nộp phí thi hành án dân sự

Người được thi hành án không phải chịu phí thi hành án dân sự khi được nhận các khoản tiền, tài sản thuộc các trường hợp sau đây:

- Tiền cấp dưỡng; tiền bồi thường thiệt hại tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; tiền lương, tiền công lao động; tiền trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc; tiền bảo hiểm xã hội; tiền bồi thường thiệt hại vì bị sa thải, chấm dứt hợp đồng lao động.

- Khoản kinh phí thực hiện chương trình chính sách xã hội của Nhà nước xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, các khoản kinh phí trực tiếp phục vụ việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục của nhân dân không vì mục đích kinh doanh mà người được thi hành án được nhận.

- Hiện vật được nhận chỉ có ý nghĩa tinh thần, gắn với nhân thân người nhận, không có khả năng trao đổi.

- Tiền hoặc giá trị tài sản theo yêu cầu thi hành án không vượt quá hai lần mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang do Nhà nước quy định.

- Khoản thu hồi nợ vay cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong trường hợp Ngân hàng cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Bản án, quyết định của Tòa án xác định không có giá ngạch và không thu án phí có giá ngạch khi xét xử.

- Tiền, tài sản được trả lại cho đương sự trong trường hợp chủ động thi hành án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật thi hành án dân sự.

- Tiền, tài sản mà đương sự tự nguyện thi hành trong thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều 45 Luật thi hành án dân sự.

**5. Xác định trường hợp Bản án, quyết định của Tòa án xác định không có giá ngạch, có giá ngạch làm cơ sở cho việc thu phí thi hành án**

Tại khoản 6, Điều 6 Thông tư số [74/2019/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-74-2019-tt-btc-sua-doi-thong-tu-216-2016-tt-btc-muc-thu-nop-phi-thi-hanh-an-dan-su-427609.aspx) ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 Thông tư số [216/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-216-2016-tt-btc-muc-thu-che-do-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-thi-hanh-an-dan-su-295121.aspx) ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự, quy định trường hợp không phải nộp phí thi hành án là Bản án, quyết định của Tòa án xác định không có giá ngạch và không thu án phí có giá ngạch khi xét xử.

Tuy nhiên quá trình thực hiện, nhiều cán bộ, chấp hành viên và công chức thi hành án dân sự còn nhiều lúng túng khi xác định đâu là trường hợp không có giá ngạch và không thu án phí có giá ngạch khi xét xử nên không tổ chức thu phí theo quy định làm thất thoát khoản nộp nộp Ngân sách nhà nước và chi thường xuyên của cơ quan thi hành án khi không thu phí thi hành án.

Xoay quanh vấn đề này, tác giả có ý kiến làm rõ để thực hiện việc thu phí thi hành án, trách thất thoát nguồn thu phí do chưa rõ việc bản án, quyết định có giá ngạch là như thế nào.

Để xác định và phân biệt Bản án, quyết định của Tòa án có giá ngạch và không có giá ngạch thì người thu phí cần xác định, phân biệt được thế nào là vụ việc dân sự có giá ngạch và vụ việc dân sự không có giá ngạch.

Theo quy định hiện hành thì các loại án phí trong vụ việc dân sự bao gồm:

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự có giá ngạch;

- Án phí dân sự phúc thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với trường hợp Tòa án giải quyết cả phần dân sự trong vụ án hình sự, bao gồm án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Án phí dân sự phúc thẩm đối với trường hợp có kháng cáo về phần dân sự trong vụ án hình sự.

Theo đó, thì:

+ V***ụ án dân sự không có giá ngạch*** là vụ án mà trong đó yêu cầu của một hoặc các bên đương sự không phải là một số tiền nào đó hoặc không thể xác định được giá trị bằng một số tiền cụ thể khi xét xử[[3]](#footnote-3).

*Ví dụ 1*: Ông R yêu cầu Toà án tuyên chấp dứt quan hệ hôn nhân với bà S mà không yêu cầu liên quan đến tài sản.

+ ***Vụ án dân sự có giá ngạch*** là vụ án mà trong đó yêu cầu của một hoặc các bên đương sự phải là một số tiền hoặc tài sản có thể xác định được bằng một số tiền cụ thể khi xét xử[[4]](#footnote-4).

*Ví dụ 2*: trong vụ án dân sự tuyên buộc A trả B số tiền 500.000.000đồng hoặc chia diện tích đất thừa kế 5.000m2 trị giá 5 tỉ đồng.

Như vậy, vụ án dân sự không có giá ngạch là những vụ việc liên quan đến quyền nhân thân, như giải quyết ly hôn, buộc giao con…; còn vụ án dân sự có giá ngạch là những vụ việc liên quan đến tiền cụ thể hoặc tài sản có thể xác định được bằng tiền...

- Theo đó thì đối với trường hợp vụ việc giải quyết bằng hình thức công nhận thoả thuận, hoà giải thành do Hoà giải viên thực hiện theo Luật hoà giải và được Toà án quyết định công nhận hoà giải thành thì khi yêu cầu cơ quan thi hành án tổ chức thi hành phần dân sự liên quan đến tiền, tài sản có thể xác định được bằng tiền (dù cho Toà án có tuyên án phí giá ngạch hay không [[5]](#footnote-5)) thì phải nộp phí thi hành án.

*Ví dụ 3*: Ông A và ông B thoả thuận, hoà giải thành ngày 03/01/2024 do Hoà giải viên X thực hiện, nội dung hoà giải A thống nhất nợ B số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỉ đồng), thời gian thanh toán sau 30 ngày, trường hợp sau 30 ngày mà A không thanh toán số tiền trên cho B thì B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản là Quyền sử dụng đất Y để đảm bảo thi hành án, Biên bản Hoà giải thành ngày 03/01/2024 được Toà án công nhận thi hành (không tuyên án phí và án phí giá ngạch), khi cơ quan thi hành án thu được tiền thì người được thi hành án là B phải có trách nhiệm nộp phí thi hành án theo quy định, vì nội dung thi hành được đảm bảo bằng quyết định của Toà án và vụ việc thi hành có giá ngạch là số tiền 01 tỉ đồng.

Tại Ví dụ 3 áp dụng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án và trường hợp không thu phí tại khoản 6, điều 6 Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự thì không thuộc trường hợp không thu phí thi hành án do đó cơ quan thi hành án dân sự phải tổ chức thu phí thi hành án theo quy định.

Như vậy, trừ những trường hợp không phải nộp phí thi hành án theo Điều 6 Thông tư số [74/2019/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-74-2019-tt-btc-sua-doi-thong-tu-216-2016-tt-btc-muc-thu-nop-phi-thi-hanh-an-dan-su-427609.aspx) ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 Thông tư số [216/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-216-2016-tt-btc-muc-thu-che-do-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-thi-hanh-an-dan-su-295121.aspx) ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự và các văn bản quy định không phải nộp phí thi hành án thì tuỳ từng trường hợp cụ thể có thể xem xét thực hiện việc thu phí và không thu phí theo quy định./.

Nguyễn Tuấn Anh – CCTHADS An Biên, Kiên Giang

1. Bên vừa có quyền, vừa có nghĩa vụ: trường hợp vụ việc chia tài sản chung, chia thừa kế; chia tài sản trong ly hôn, chỉ cần 1 bên có đơn yêu cầu thi hành án, bên còn lại được nhận tiền, tài sản, lợi ích từ việc giao tài sản của cơ quan thi hành án dân sự phải nộp phí thi hành án (Khoản 2, Điều 4 Thông tư số [74/2019/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-74-2019-tt-btc-sua-doi-thong-tu-216-2016-tt-btc-muc-thu-nop-phi-thi-hanh-an-dan-su-427609.aspx) ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 Thông tư số [216/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-216-2016-tt-btc-muc-thu-che-do-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-thi-hanh-an-dan-su-295121.aspx) ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự. [↑](#footnote-ref-1)
2. Mức phí thi hành án dân sự tại Điều 4 Thông tư số [74/2019/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-74-2019-tt-btc-sua-doi-thong-tu-216-2016-tt-btc-muc-thu-nop-phi-thi-hanh-an-dan-su-427609.aspx) ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 Thông tư số [216/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-216-2016-tt-btc-muc-thu-che-do-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-thi-hanh-an-dan-su-295121.aspx) ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự. [↑](#footnote-ref-2)
3. Khoản 2, Điều 24 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản 3, Điều 24 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. [↑](#footnote-ref-4)
5. vì cơ quan muốn không thu phí thi hành án thì phải đáp ứng điều kiện cần và đủ là không có giá ngạch và không thu án phí có giá ngạch khi xét xử tại Khoản 6, Điều 6 Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự. [↑](#footnote-ref-5)